

 PHÚ YÊN CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN	  VILAS 746
---	---	---

Số: 10/KQ

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

I./ THÔNG TIN MẪU

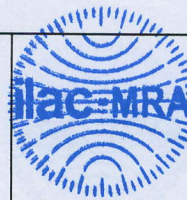
STT	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	40M ₁ 01/16	Nhà Máy Bia Phú Yên	Nước sau khi xử lý	Võ Bá Duy Huân	28/03/2016 9g30-9g45	Trần Quang Vinh
4	41M ₁ 01/16	131 Nguyễn Thái Học		Nguyễn Thị Cẩm Tú	28/03/2016 8g30-8g45	Nguyễn Thị Cẩm Tú
5	41M ₂ 01/16	8/19 Nguyễn Huệ			28/03/2016 9g00-9g15	
6	41M ₃ 01/16	Khu tái định cư Núi Nhạn		Phạm Thị Luyện	28/03/2016 9g30-9g45	Phạm Thị Luyện
7	42B01/16	Bể chứa NMN Tuy Hòa			28/03/2016 8g00-8g15	

II./ KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				40M ₁ 01/16	41M ₁ 01/16	41M ₂ 01/16	41M ₃ 01/16
1	pH	6,5-8,5		6.95	6.87	6.92	6.84
2	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.39	0.38	0.37	0.39
3	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.02	0.02	0.02	0.02
4	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	15.83	16.17	15.83	16.50
5	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	45.43	45.94	45.43	45.94
6	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
7	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	KPH	KPH	KPH	KPH
8	Mùi vị ^(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	Không
9	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	9.40	6.40	6.90	4.7
10	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	7.60	7.30	7.80	7.80
11	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	KPH	KPH	0.01	KPH
12	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.32	0.26	0.32	0.26
13	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
14	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH	KPH	KPH	KPH



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				42B01/16			
1	pH	6,5-8,5	TCVN6492:1999	6.81			
2	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.42			
3	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.02			
4	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	16.17			
5	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	45.94			
6	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH			
7	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	KPH			
8	Mùi vị ^(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	không			
9	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	5.40			
10	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	8.30			
11	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	0.01			
12	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.32			
13	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH			
14	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH			

Ghi chú: - (*) là chỉ tiêu chưa được Vilas công nhận, KPH : Không phát hiện

Tuy Hòa, ngày 04 tháng 04 năm 2016

Lãnh Đạo Công Ty

Phòng Kỹ Thuật

Bộ Phận Hóa Nghiệm



Võ Bá Duy Huân

Nguyễn Tấn Thuận

BM.KT.02.02

24/06/2014

Trang 2/2